

BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NHÓM

Dành cho Cán bộ nhân viên Doanh nghiệp



01 Điều kiện tham gia

- Cán bộ nhân viên; và/hoặc Người phụ thuộc hợp pháp của nhân viên được bảo hiểm đang sinh sống tại Việt Nam, có độ tuổi từ 01 - 65 tuổi tại thời điểm hiệu lực bảo hiểm;
- Không bị bệnh tâm thần, phong, ung thư tại thời điểm tham gia bảo hiểm lần đầu;
- Không bị tàn tật hoặc thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên;
- Không bị mất năng lực hoặc bị hạn chế hành vi dân sự;
- Không trong thời gian điều trị nội trú các bệnh đặc biệt theo Quy tắc bảo hiểm của TCGIns.

02 Điều khoản áp dụng cho người phụ thuộc

- Người phụ thuộc được tham gia chương trình bằng hoặc thấp hơn chương trình của Cán bộ nhân viên.
- Áp dụng đồng chi trả 80/20 đối với chi phí tại Bệnh viện tư nhân, Quốc tế và Khoa dịch vụ Bệnh viện công.

03 Phí bảo hiểm

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Quyền lợi	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch kim	Kim cương
Quyền lợi chính	665,000	755,000	1,205,000	2,180,000	2,840,000	4,645,000
Quyền lợi bổ sung						
• Thai sản	1,055,000	1,405,000	1,950,000	2,245,000	2,680,000	4,020,000
• Ngoại trú	1,140,000	2,280,000	2,850,000	3,415,000	4,550,000	5,690,000
• Nha khoa	205,000	430,000	570,000	685,000	910,000	1,140,000
Tổng phí	3,065,000	4,870,000	6,575,000	8,525,000	10,980,000	15,495,000

04 Quyền lợi bảo hiểm

A	Quyền lợi bảo hiểm chính	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch kim	Kim cương
I	Tử vong do tai nạn	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
II	Thương tật vĩnh viễn, mất tích do tai nạn	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
III	Trợ cấp hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú do tai nạn/năm	5,000,000	5,000,000	12,000,000	15,000,000	20,000,000	25,000,000
	Trợ cấp/ngày (50 ngày/năm)	100,000	100,000	240,000	300,000	400,000	500,000
IV	Tử vong do ốm đau, bệnh tật, thai sản	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
V	Thương tật/tàn tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
VI	Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật và tai nạn	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
1	Chi phí nằm viện (hạn mức 01 ngày): • Chi phí phòng, giường bệnh • Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt • Các chi phí bệnh viện tổng hợp	2,500,000	3,000,000	5,000,000	10,000,000	13,500,000	17,500,000
	Không giới hạn số ngày						
2	Chi phí phẫu thuật (năm): • Phẫu thuật nội trú, Phẫu thuật trong ngày, Phẫu thuật ngoại trú • Phẫu thuật liên quan đến cấy ghép nội tạng (không bao gồm chi phí mua bộ phận)	50,000,000	60,000,000	100,000,000	200,000,000	300,000,000	500,000,000
3	Các quyền lợi khác						
3.1	Chi phí điều trị trước khi nhập viện (tối đa 30 ngày trước khi nhập viện/năm)	2,000,000	2,200,000	2,500,000	4,000,000	5,500,000	7,500,000
3.2	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (tối đa 30 ngày kể từ ngày xuất viện/năm)	2,000,000	2,200,000	2,500,000	4,000,000	5,500,000	7,500,000
3.3	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm)	2,000,000	2,200,000	2,500,000	4,000,000	5,500,000	7,500,000
3.4	Phục hồi chức năng theo chỉ định của bác sĩ	2,000,000	2,200,000	2,500,000	10,000,000	13,500,000	17,500,000
3.5	Vận chuyển cấp cứu (Trong trường hợp không có dịch vụ cứu thương của địa phương, Người được bảo hiểm có thể dùng taxi với giới hạn trách nhiệm tối 200,000VND/lần)	5,000,000	9,000,000	12,500,000	15,000,000	15,000,000	25,000,000
3.6	Trợ cấp nằm viện/ngày	50,000	93,000	150,000	180,000	210,000	250,000
	Tổng số tiền trợ cấp nằm viện tối đa 100 ngày/năm	5,000,000	9,300,000	15,300,000	18,000,000	21,000,000	25,000,000
3.7	Trợ cấp mai táng phí (tử vong do ốm đau, bệnh tật trong và ngoài bệnh viện)	2,000,000	2,500,000	3,750,000	4,500,000	5,500,000	7,500,000
3.8	Bảo hiểm cho dao cắt sun, lưỡi bào, dao cắt gan siêu âm, dao longo hoặc các loại dao dùng trong phẫu thuật trĩ có chi phí tương tự, rọ tán sỏi, stent, van tim (năm)	2,500,000	3,000,000	5,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
B	Quyền lợi bảo hiểm tùy chọn	Đồng	Bạc	Titan	Vàng	Bạch kim	Kim cương
I	Thai sản • Sinh thường/Sinh mổ • Biến chứng thai sản & Sinh khó • Chi phí khám trước nhập viện • Chi phí trong quá trình sinh và chi phí chăm sóc mẹ trước và/hoặc sau khi sinh tại bệnh viện	6,000,000	8,000,000	12,000,000	15,000,000	20,000,000	30,000,000
	• Trợ cấp thêm nếu kết hợp sử dụng thẻ bảo hiểm y tế	Sinh thường: 500,000 /người	Sinh thường: 1,000,000 /người	Sinh thường: 1,500,000 /người	Sinh thường: 1,500,000 /người	Sinh thường: 1,500,000 /người	Sinh thường: 1,500,000 /người
		Sinh mổ: 600,000 /người	Sinh mổ: 1,500,000 /người	Sinh mổ: 2,000,000 /người	Sinh mổ: 2,000,000 /người	Sinh mổ: 2,000,000 /người	Sinh mổ: 2,000,000 /người
II	Điều trị ngoại trú do ốm bệnh, tai nạn	5,000,000	10,000,000	12,500,000	15,000,000	20,000,000	25,000,000
1	Chi phí điều trị ngoại trú Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ, tiền chụp Xquang và làm các xét nghiệm theo chỉ định của bác sĩ	1,000,000 /lần	2,000,000 /lần	2,500,000 /lần	3,000,000 /lần	4,000,000 /lần	5,000,000 /lần
	Không giới hạn số lần khám						
2	Vật lý trị liệu Trị liệu bức xạ, liệu pháp ánh sáng, vật lý trị liệu và các phương pháp điều trị tương tự	50,000 /ngày	100,000 /ngày	150,000 /ngày	300,000 /ngày	300,000 /ngày	300,000 /ngày
	Tối đa 60 ngày/năm						
III	Nha khoa • Viêm lợi (nướu)/viêm nha chu • Hàn răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite, fuji,...) • Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu), phẫu thuật cắt chóp răng, lấy u vôi răng • Lấy cao răng (cạo vôi răng), tối đa 02 lần/năm	900,000	1,875,000	2,500,000	3,000,000	4,000,000	5,000,000
	Theo thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm quyền lợi nha khoa Không giới hạn số lần khám						
Dịch vụ bảo lãnh viện phí		Nội trú Thai sản	Nội trú Ngoại trú Nha khoa Thai sản	Nội trú Ngoại trú Nha khoa Thai sản	Nội trú Ngoại trú Nha khoa Thai sản	Nội trú Ngoại trú Nha khoa Thai sản	Nội trú Ngoại trú Nha khoa Thai sản

05 Thời gian chờ

	Nhóm dưới 50 CBNV	Nhóm từ 50 CBNV
Tai nạn	0 ngày	0 ngày
Bệnh thông thường, Nha khoa	30 ngày	0 ngày
Điều trị Bệnh đặc biệt, Bệnh có sẵn	365 ngày	0 ngày
Sinh đẻ	270 ngày	270 ngày (áp dụng theo tỷ lệ)
Biến chứng thai sản	60 ngày	60 ngày (áp dụng theo tỷ lệ)
Tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Bệnh đặc biệt, Bệnh có sẵn	365 ngày	365 ngày

Lưu ý: Thời gian chờ áp dụng cho Người phụ thuộc theo khung thời gian chờ của nhóm dưới 50 cán bộ nhân viên.

06 Một số điểm loại trừ

Một số chi phí không thuộc phạm vi chi trả bảo hiểm gồm:

- Các chi phí điều trị bất hợp lý, không cần thiết về mặt y tế và không theo chỉ định của bác sĩ;
- Khám và các cận lâm sàng không có kết luận bệnh/không có chỉ định điều trị của bác sĩ/mang tính chất kiểm tra, loại trừ/phân biệt/tầm soát;
- Thực phẩm chức năng, dược mỹ phẩm, các loại vitamin (trừ trường hợp các loại vitamin đó được kê đơn kèm theo thuốc điều trị và chi phí vitamin không lớn hơn chi phí thuốc điều trị);
- Các điều trị liên quan đến điều trị mang tính kế hoạch hoá gia đình;
- Người được bảo hiểm điều khiển phương tiện giao thông trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá quy định của Luật giao thông;
- Khám sức khoẻ định kỳ, tiêm chủng;
- Khuyết tật bẩm sinh, dị tật bẩm sinh;
- Điều trị suy thận mãn tính;
- Các hình thức điều trị thẩm mỹ, điều trị cân nặng, phẫu thuật thẩm mỹ;
- Điều trị các vấn đề do nguyên nhân lão hoá, thoái hoá, suy biến tự nhiên của thính giác, thị giác như: cận thị, viễn thị, loạn thị, khô mắt, mỏi mắt điều tiết.

Tham chiếu nội dung chi tiết tại Chương IV - Loại trừ bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm Chăm sóc sức khoẻ nhóm của Công ty Bảo hiểm Techcom.

07 Tóm lược một số quy định

Bệnh có sẵn

Là tình trạng bệnh tật hoặc thương tật của người được bảo hiểm đã được bác sỹ chẩn đoán hoặc điều trị trước ngày hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, hoặc các dấu hiệu, triệu chứng đặc thù khởi phát trong vòng 36 tháng trước ngày hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm. Việc xác định bệnh có sẵn căn cứ vào hồ sơ y tế được lưu trữ tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế được thành lập hợp pháp, các tài liệu y khoa được Bộ Y tế và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Bệnh đặc biệt

Bệnh hệ thần kinh: Các bệnh viêm hệ thần kinh trung ương (não), teo hệ thống ảnh hưởng lên hệ thần kinh trung ương (bệnh Huntington, mất điều vận động di truyền, teo cơ cột sống và hội chứng liên quan), rối loạn vận động ngoại tháp (Parkison, rối loạn trương lực cơ, rối loạn vận động và ngoại tháp khác), Alzheimer, hội chứng Apallic/mất trí nhớ, động kinh, hôn mê, các bệnh bại não và hội chứng liệt khác;

Bệnh hô hấp: Bệnh suy phổi, tràn khí phổi. Viêm V.A cần phải nạo, viêm xoang, vẹo vách ngăn, bệnh hen/suyễn;

Bệnh hệ tuần hoàn: Bệnh tim, tăng/cao huyết áp, tăng áp lực động mạch vô căn, các bệnh máu não/đột quỵ và các hậu quả/di chứng của bệnh này, viêm tĩnh mạch và viêm tắc/ngẽn tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch chi dưới, hội chứng ống cổ tay, mạch/hạch bạch huyết, trĩ;

Bệnh hệ tiêu hoá: Viêm gan A, B, C, xơ gan, suy gan, sỏi mật, bệnh loét dạ dày, tá tràng;

Bệnh hệ tiết niệu: Bệnh của cầu thận, ống thận, sỏi thận và niệu quả, sỏi đường tiết niệu dưới, suy thận;

Bệnh hệ nội tiết: Rối loạn tuyến giáp, đái tháo đường và nội tiết tuyến tụy, tuyến thượng thận, hôn mê, rối loạn các tuyến nội tiết khác;

Bệnh khối U: Khối U/bướu lành tính các loại;

Bệnh của máu: Rối loạn đông máu, rối loạn chức năng của bạch cầu đa trung tính, bệnh liên quan mô lưới bạch huyết và hệ thống lưới mô bào, ghép tủy;

Bệnh của da và mô liên kết: Bệnh Lupus ban đỏ, xơ cứng bì toàn thân, xơ cứng rải rác, xơ cứng biểu bì tiến triển/cột bên theo cơ, loạn dưỡng cơ và biến chứng của các bệnh này, Penphygus, vẩy nến, mề đay dị ứng mãn (có điều trị bằng kháng nguyên của nước ngoài);

Bệnh hệ tai: Viêm tai giữa cần phải phẫu thuật, sùi vòm họng, cắt bỏ xương xoắn;

Bệnh rối loạn chuyển hoá các loại;

Bệnh hệ cơ, xương, khớp: Viêm khớp/đa khớp mãn tính, bệnh thoái hoá cột sống, thân đốt sống, thoát vị đĩa đệm, rối loạn mật độ và cấu trúc xương, bệnh gout;

Bệnh khác: Sỏi, nang, mụn cơm, nốt ruồi các loại, rối loạn tiền đình.

Chọn TCGIns

An tâm sức khoẻ

Phúc lợi tinh hoa

Địa chỉ: Toà nhà Hội sở Techcombank,
119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, TP. Hà Nội

Hotline: 1900 996696

Website: www.tcgi.com.vn